

Vương Văn Bắc (do Nguyễn tử duy Bá soạn)

Sinh năm 1927 tại Bắc Ninh, Bắc Việt Nam.

Học định tiểu học công lập Phú Lạng Thường, Bắc Giang; Trung học Bảo Hộ (thường được gọi là Trung học Bắc Ninh), Hà Nội, Ninh Bình và Thanh Hóa (1940-1945); Trung học Albert Sarraut, Hà Nội (1948-1949); Luật Khoa Đại Học Hà Nội (1949-1954), Cử nhân Luật Khoa Cử Nhân (1952), Cao Học Tư Pháp (1953), Cao Học Tư Pháp II (1954). Luật Sư Tập Sự tại Tòa Thường Thẩm Hà Nội (1952-1954)

Đi cư 1954, dạy Trung Học Tư Thục Chi Lăng, Chố Lớn và làm giảng Sư Luật Học tại Trung Học Hàng Chanh Đà Lạt (1954-1955), tập sự rồi Luật Sư Thực Thi (1954-1975). Giảng sư về Hiến Pháp và Chính Trị tại Học Viện Quốc Gia Hàng Chanh cho đến cuối thập kỷ 1960

Sau 1963, dạy Chính Trị Học tại Trung học chính trị Kinh Doanb Viện Đại Học Đà Lạt; tham dự ủy ban soạn thảo quy chế các chính đảng; Hội Viên Hội Đồng Dân Quốc; Cố vấn nội các Trần văn Hường; thành viên phái đoàn VNCH đại Hội Đàm Paris (1969-1972); Ủy Viên Ủy Ban Quốc gia Dân Chủ; Đại sứ VNCH tại Anh Quốc, Hoa Lan và Áo Quốc (1972-1973); Tổng Trưởng Ngoại Giao VNCH trong nội các Trần Thiện Khiêm và Nguyễn Bá Cầm (1973-1975)

Đình cư tại Pháp từ tháng 9, 1975 và hành nghề Luật Sư Paris cho đến nay (2007)

Một vợ (Nguyễn Thị Hồng), nguyên giáo sư Trung học Trưng Vương và Luật Sư Tòa Thường Thẩm Saigon từ 1957 đến 1963; bốn con, một gái và ba trai

Vương Văn Bắc vẫn giữ quốc tịch V.N.C.H và quy chế tị nạn cho đến nay (2007) tuy nhiên ~~không~~ có xác nhận người khác có những lý do rất chính đáng để chọn một quốc tịch khác (theo thư ngày 12/2/2007 của Ông Bắc trả lời soạn giả). Được biết, Giáo sư Nguyễn Ngọc Huy bạn cùng phái đoàn VNCH tại Hội Đàm Paris với Ông Bắc, cũng như một số rất ít người Việt tị nạn khác vẫn giữ quốc tịch VNCH.

Điêng về câu hỏi về những nỗ lực chốt để cứu vãn tình hình sau khi CSVN phát động cuộc xâm lăng miền Nam Việt Nam bất chấp Hiệp Định Paris thì Ông Bắc xác nhận có tham gia; những câu chuyện quá dài để chép khác sẽ nói. (Thư 12/2/2007, Vương Văn Bắc)

Tác phẩm đã xuất bản: Suy Tư (2003), Âm Xúc (2004) và Nghi
Về Ngày Mai Đất Nước (2006)

Tôi được phép của tác giả Vũ trụ Văn Bắc để phổ biến các bài
viết của ông Bắc nhóm dịp ông ghé thăm Tướng Nữ Nguyễn Thị
Hồng Hà tại Palo Alto, California, Hoa Kỳ vào tháng 1, 2007
Bài "Đại Hội Đã Qua" trên đây vừa được đăng trong tập san
của Hội Ái Hữu Nhân Viên Bộ Ngoại Giao VNCH ở Âu Châu vào
ngày 4 tháng 3, 2007

Nguyễn Tường Bá, gửi thư; tháng 4, 2007

ĐẠI HỘI ĐÃ QUA

Vương Văn Bắc

Trung tuần tháng 11 vừa qua, Hà Nội nhận nhiệm vụ đón tiếp Đại Hội 2006 của Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Á Châu Thái Bình Dương (gọi tắt theo Anh ngữ là APEC), đồng thời hoan nghinh nhiều vị quốc khách đến thăm Việt Nam, như Chủ tịch Trung Quốc, Tổng thống Hoa Kỳ, Thủ tướng Nhật, Tổng thống Nga... Nhằm khai thác và khuếch đại lợi ích chính trị của những sự việc ấy, các cơ quan thông tấn nhà nước đã ào ạt cho phổ biến những tin tức khả dĩ tạo bầu không khí phấn khởi, như tin chính phủ Hoa Kỳ đã rút tên Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia cần theo dõi đặc biệt vì không tôn trọng tự do tôn giáo (gọi tắt là danh sách CPC), tin Việt Nam được thu nhận vào Tổ Chức Thương Mãi Thế Giới (W.T.O., tên gọi viết tắt theo Anh ngữ), tin mức tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2006 sẽ xấp xỉ 9 phần trăm, v.v... Cũng trong chiều hướng ấy, nhiều hình ảnh được xem như có khả năng gây niềm hồ hởi trong quần chúng đã được trình đi trình lại trên mặt báo và màn ảnh vô tuyến truyền hình, chẳng hạn như hình ba vị nguyên thủ Mỹ, Nga, Hoa xúng xính trong tấc áo gấm lam dài, rất Việt Nam cổ kính, hay hình Tổng thống Bush và phu nhân Laura xem lễ tại nhà thờ Cửa Bắc, giữa đám tín đồ cả Công giáo lẫn Tin lành. Bị tràn ngập dưới những đợt sóng thịnh thị có định hướng rõ ràng ấy, người dân nước Việt có thể có cảm giác là nước mình vừa thực hiện được một bước tiến vĩ đại, đang thênh thang đi trên dòng lớn của kinh tế thị trường thế giới để mau chóng ngang hàng với các quốc gia đã mở mang và được sống dưới chế độ dân chủ tự do. Cảm giác ấy còn có thể được bồi đắp bởi một vài lời tuyên bố xã giao, nhằm lấy lòng nước chủ nhà, chẳng hạn như lời T.T.Bush khen ngợi Việt Nam là đất lành cho doanh nghiệp, hoặc lời tán tụng của Ngoại trưởng Mỹ Condoleezza Rice, cho Việt Nam là một tấm gương tiến bộ thông qua tự do hóa kinh tế mà nhiều nước đang mở mang khác nên bắt chước.

Những tình tức, hình ảnh, phát biểu đầy lạc quan ấy có phản ánh đúng đắn thực tại Việt Nam hay không ?

Giờ đây, Đại Hội APEC 2006 đã qua, cờ quạt đã tháo gỡ, đèn hoa đã tắt ngấm, lễ phục đã xếp kỹ trong rương. Đã đến lúc chúng ta có thể bình tĩnh thẩm định tầm mức và ý nghĩa đích thực của những sự việc kể trên. Để làm việc ấy một cách nghiêm túc, chúng ta sẽ cố tránh không bị huyền hoặc bởi vẻ hào nhoáng bề ngoài của thứ chính trị phô trương (politique-spectacle), cũng như tránh không bị thiên lệch bởi thành kiến hay ác cảm.

Việc tổ chức Đại Hội APEC

Trước hết, tưởng cần nêu rõ là sự kiện Việt Nam được APEC trao cho trách nhiệm tổ chức Đại Hội 2006 của tập thể ấy không phải là một vinh dự đặc biệt dành riêng cho nước này, cũng không phải là sự nhìn nhận Việt Nam có địa vị quan trọng hơn hay khả năng tổ chức xuất sắc hơn các thành viên khác của APEC. Đây chỉ là sự áp dụng qui tắc luân phiên thông thường, theo đó mỗi thành viên của Diễn Đàn APEC lần lượt đăng cai tổ chức đại hội thường niên của Diễn Đàn. Vì vậy, năm ngoài đại hội của APEC đã được tổ chức tại Hàn Quốc và người ta đã được thấy hình ảnh mấy vị nguyên thủ dự hội lụng thụng trong bộ áo dài *hanbok* đặc biệt của Đại Hàn. Sang năm, đại hội Diễn Đàn Hợp Tác Kinh Tế Á Châu Thái Bình Dương sẽ được tổ chức tại một quốc gia thành viên khác, dường như là Úc Đại Lợi. Rõ ràng đây không phải là biểu tượng của một quyết định tôn vinh đặc biệt nào.

Thứ nữa, ta có thể nhận xét thấy là các cuộc thảo luận tại Đại Hội APEC năm nay đã không dẫn tới một quyết định quan trọng nào hoặc đưa ra một đề án cụ thể nào. Đại Hội đã kết thúc công tác bằng cách phát biểu một vài mối quan tâm và sở nguyện chung chung, không ràng buộc mà cũng không chi-tiết-hóa. Chẳng

hạn, về mối đe dọa cho an ninh toàn vùng gây ra bởi vụ Bắc

Triều Tiên thử tên lửa ngày 5-7-06 và thí nghiệm hạt nhân ngày 9-10-06, Hoa Kỳ đã không thuyết phục được các thành viên khác, như Trung Quốc và Nga, chấp nhận đưa ra những lời cảnh cáo rõ rệt kèm theo những đe dọa trừng phạt nhất định đối với Bình Nhưỡng (Pyong Yang, thủ đô Bắc Hàn) nên kết cục, thông cáo chung của Đại Hội chỉ ghi nhận "nỗi lo ngại sâu xa" (profonde inquiétude) của Diễn Đàn trước những hành vi khiêu khích của Bắc Hàn. Cũng như vậy, một đề nghị được Hoa Kỳ tán trợ, đề nghị thiết lập một vùng tự do mậu dịch, bao gồm tất cả 21 nền kinh tế thành viên, để thay thế và điều hợp mấy chục thỏa ước tay đôi về tự do mậu dịch, đề nghị này đã được nhiều thành viên khác đón nhận một cách rất dễ dặt. Vì thế, thông cáo chốt của Đại Hội chỉ xác nhận là dự án thiết lập một vùng tự do mậu dịch cho toàn vùng APEC sẽ được "nghiên cứu", chứ không đề ra một thời-khóa-biểu hay vạch ra những định hướng rõ rệt nào. Sau hết, về một đề tài có quan hệ mật thiết với mục tiêu của APEC, vấn đề cải thiện cơ chế những vụ trao đổi hàng hóa và dịch vụ, bằng cách bãi bỏ những trợ cấp trá hình và hạ thấp những hàng rào quan thuế quá cao, Đại Hội cũng chỉ đưa ra một lời hứa hẹn lơ mơ : các thành viên Diễn Đàn APEC sẽ mau chóng "nỗ lực" đưa vòng đàm phán Dooha ra khỏi tình trạng bế tắc ngày nay. Về điểm này, Đại Hội cũng không đưa ra được một thời biểu hay một lộ trình dứt khoát nào. Những kết quả này thực nghèo nàn so với số thành viên tham dự Đại Hội, với địa vị của những vị cầm đầu các phái đoàn và với lực lượng lớn lao mà họ đại diện.

Thực tế là các cuộc hội họp và thảo luận tại Đại Hội APEC 2006 ở Hà Nội đã không chiếm trọn sự chú ý và không thu hút trọn thì giờ của các thành viên tham Đại Hội, đến mức họ đã có thể lo liệu và giải quyết nhiều vấn đề riêng, ở ngoài phạm vi của Diễn Đàn APEC nhưng thiết thực hơn đối với họ, trong thời gian họp Đại Hội. Chẳng hạn, Trung Quốc và Nhật Bản đã thảo luận và tạm thời giải quyết vụ tranh

chấp chính trị gay go giữa đôi bên, bắt nguồn từ việc cựu Thủ tướng Nhật Koizumi đi lễ ở đền thờ liệt sĩ Nhật, trong đó có những người đã bị xử là tội nhân chiến tranh, bằng cách thành lập một ủy ban nghiên cứu hỗn hợp để xét thêm về lịch sử thời quân đội Nhật chiếm đóng một phần lãnh thổ Trung Quốc và các nước láng giềng. Cũng như vậy, hai bên Hoa Kỳ và Nga đã lợi dụng cơ hội cùng có mặt ở Đại Hội để hoàn tất và ký kết bản thỏa ước dọn đường cho Liên Bang Nga gia nhập W.T.O. Về phần các vị nguyên thủ, ta thấy Tổng thống Bush đã có thì giờ đến nhà thờ Cửa Bắc cầu nguyện cho tự do tôn giáo, rồi đến thị trường chứng khoán miền Nam rung chuông khai mạc cho buổi họp hôm thứ hai 21-11-06 của thị trường này, còn Tổng thống Poutine đã có thì giờ thảo luận về việc khai thác năng lượng và tăng gia du lịch giữa hai nước. Diễn Đàn APEC hiển nhiên không phải là mối quan tâm hàng đầu của các vị chính khách ấy.

Những nhận xét trên đây không có chủ đích hạ giá các cuộc hội họp quốc tế và các chuyến công du linh đình. Người viết chỉ muốn đi tới một ước lượng thực tế về tầm quan trọng của Đại Hội APEC 2006 vừa qua. Rõ rệt là Đại Hội này, tuy có một bề ngoài hoành tráng và được quảng cáo rầm rộ, sẽ không được xem như một mốc lớn trong lịch trình hợp tác quốc tế và sẽ không để lại một ấn tượng sâu sắc trong ký ức loài người. Do đó, sự kiện chính quyền cộng sản Hà Nội đã chu toàn được việc tổ chức đại hội ấy mà không vấp phải những trục trặc kỹ thuật có thể là một điểm tích cực, nhưng không thể được coi như một thành tích sáng chói. Nó có thể đem lại cho Việt Nam vài dự án đầu tư và một số du khách từ nước ngoài, nhưng không thể giúp cho Việt Nam giải quyết hoặc đối phó với những thách đố cơ bản của nước mình.

Việc Việt Nam được gia nhập W.T.O.

Cùng lúc với việc đón tiếp Đại Hội APEC 2006, dân chúng Việt Nam còn được báo tin

vui là nước mình được Tổ Chức Thương Mại Thế Giới (WTO) chấp nhận cho gia nhập, như thể một kỷ nguyên mới, sung túc và thịnh vượng, đang mở ra trước mắt mình. Chưa đầy một tháng sau, Quốc hội Việt Nam đã biểu quyết phê chuẩn thỏa ước gia nhập WTO, với đa số áp đảo trên 90 phần trăm. Về sự việc này, một vài nhận xét khách quan và thực tế cũng tỏ ra cần thiết để làm sáng tỏ thêm.

Trước hết, dù đã được Tổ Chức thu nhận sau mười một năm điều đình thương thuyết, Việt Nam cũng sẽ chỉ là hội viên thứ 150 của WTO. Rõ rệt đây không phải là một câu lạc bộ đóng kín, dành riêng cho một thiểu số ưu tú. Ngoài ra, Trung Quốc đã được thu nhận vào WTO từ năm 2001 và Nga sắp được thu nhận nay mai, sau khi đã ký thỏa ước với Hoa Kỳ ở Hà Nội ngày 19-11-06 vừa qua; điều này chứng tỏ là WTO không phải chỉ gồm có những nước tôn trọng dân chủ và nhân quyền. Bởi vậy, việc Việt Nam được gia nhập WTO không thể được xem như một vinh dự hiếm có hay một bảo đảm là chế độ độc đảng toàn trị hiện thời ở Việt Nam sẽ đương nhiên biến cải thành một chế độ dân chủ đa nguyên, tôn trọng dân quyền và nhân quyền. Chỉ có những người lạc quan quá độ mới dám tin chắc rằng việc hội nhập kinh tế thị trường toàn cầu sẽ gây hậu quả không tránh được là dân chủ hóa chế độ chính trị chuyên chế, không kể gì đến những kỹ thuật càng ngày càng tinh vi của các chế độ toàn trị nhằm kiểm soát tư tưởng dân chúng và dập tắt đối lập.

Trên bình diện hoàn toàn kinh tế, việc gia nhập WTO không phải là một ân sủng đơn thuần mà là một con dao hai lưỡi, mang lại cho nước gia nhập nhiều quyền lợi nhưng cũng nhiều ràng buộc, nhiều cơ hội nhưng cũng nhiều rủi ro. Sau khi gia nhập WTO, Việt Nam sẽ được xuất khẩu dễ dàng hàng hóa, dịch vụ và đầu tư sang các nước thành viên khác mà không phải lo ngại những quyết định cấm đoán vô lý, những hàng rào quan thuế quá cao, những hạn ngạch (quotas) được ấn định một cách độc đoán. Ngược lại, Việt Nam sẽ phải

mở rộng cửa đón những hàng hóa, dịch vụ, đầu tư từ các nước thành viên khác của WTO tới mà không thể tự ý đặt ra những hạn chế, cấm đoán, hạch sách để cản trở. Nói khác đi, các xí nghiệp và doanh nhân nước ngoài sẽ được tự do cạnh tranh với các xí nghiệp và doanh nhân Việt tại Việt Nam, nếu muốn còn có thể thủ đắc (take over) những xí nghiệp Việt Nam yếu kém. Vì thế, người ta e ngại là một số ngành hoạt động ở Việt Nam còn non nớt, như ngành bảo hiểm và ngân hàng, vì ít vốn và thiếu chuyên môn, hay ngành sản xuất nông phẩm, vì lẽ lối canh tác quá phân tán, có thể bị ngoại nhân lấn át rồi chiếm đoạt.

Không những thế, tình trạng cạnh tranh gay gắt giữa các thành viên của WTO tất nhiên dẫn đến nhiều vụ tranh tụng mà sự giải quyết sẽ làm mất nhiều thì giờ và tiền bạc, theo một thủ tục giải quyết tranh chấp phức tạp, đã được dự liệu trong điều lệ OMC. Chẳng hạn, hiện nay Trung Quốc đang bị Gia Nã Đại, Hoa Kỳ và Liên Hiệp Âu Châu (UE) khiếu tố trước OMC vì đánh thuế quá cao các đồ phụ tùng xe hơi, sau khi đã bị Hoa Kỳ khiếu tố năm 2004 trước WTO vì trợ cấp trái phép các xí nghiệp Trung Hoa sản xuất chất bán dẫn (semi conducteurs). Nếu gặp phải những vụ tranh tụng liên tiếp như vậy, Việt Nam sẽ ở trong một thế yếu vì các xí nghiệp ở đây, công cũng như tư, chưa quen với những lẽ lối quản lý, kế toán, kiểm toán chuyên môn và minh bạch.

Cũng không thể chờ đợi là các nước thành viên khác sẽ có một thái độ dễ dãi, khoan nhượng đối với Việt Nam về phương diện này, vì "đồng tiền liền với ruột". Thái độ chần chừ, ngần ngại của Quốc Hội Mỹ, chưa chịu biểu quyết nhìn nhận cho Việt Nam quy chế có quan hệ mậu dịch bình thường hàng cửu (gọi tắt là PNTR) với Hoa Kỳ, vì một số nghị sĩ và dân biểu Mỹ lo ngại sợ có nhiều thợ thuyền Mỹ mất việc làm và doanh nhân Mỹ mất bớt lợi tức, là một biểu lộ khá rõ nét về xu thế vị kỷ ấy.

Tất một lời, việc Việt Nam gia nhập WTO là một bước tích cực để đi tới hội nhập trọn vẹn vào cộng đồng kinh tế toàn cầu, nhưng không

phải là cây đũa thần chắc chắn sẽ đưa Việt Nam tới phồn vinh và dân chủ. Còn nhiều khó khăn, còn nhiều chướng ngại chờ đợi trên đường.

Việc Việt Nam được rút tên khỏi danh sách CPC

Vài ngày trước ngày khai mạc Đại Hội APEC 2006 ở Hà Nội, như để dọn đường cho chuyến công du của Tổng thống Bush sang Việt Nam, chính quyền Hoa Thịnh Đốn công bố quyết định rút tên Việt Nam ra khỏi danh sách các quốc gia cần được để ý đặc biệt vì không tôn trọng tự do tín ngưỡng trong nước (danh sách CPC). Quyết định ấy được ban hành vì chính phủ Mỹ quả thực đã nhận thấy chính quyền Hà Nội thực sự tôn trọng tôn giáo, hay chỉ vì Hoa Kỳ muốn tiến lại gần Hà Nội hơn, vì những lý do kinh tế hay chiến lược liên quan đến lợi ích quốc gia của họ ?

Thay vì đưa ra những lời phỏng đoán hay suy luận chủ quan để trả lời câu hỏi ấy, tốt hơn là ta căn cứ vào những lời phát biểu của mấy vị tu hành thuộc những tôn giáo lớn ở Việt Nam, phê bình về diễn biến này :

Trả lời một cuộc phỏng vấn ngày 15-11-06 trên đài R.F.I. (đài phát thanh Pháp quốc tế), Linh mục Công giáo Chân Tín cho biết là sau khi quyết định kể trên được ban hành, chính quyền cộng sản Việt Nam vẫn tiếp tục chính sách đàn áp tôn giáo như trước. Linh mục cho rằng quyết định này chỉ phát xuất từ những toan tính chính trị hay kinh tế chứ không liên quan gì đến sự kiện tôn giáo bị chà đạp hay được tự do ở Việt Nam.

Trong một bài phỏng vấn nhan đề "*Phải đoàn kết, hành động cụ thể để cứu lấy mình*" phổ biến ngày 22-11-06 Hoà thượng Phật giáo Thích Quảng Độ cũng nêu lên những nhận định tương tự trên đài RFA (đài phát thanh Á Châu Tự Do). Trong một bài phỏng vấn khác dành cho nhật báo Daily Telegraph, số ra ngày 27-11-06, Hoà thượng còn cho biết thêm là Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị cấm

hoạt động vì không chịu ở trong vòng kiểm chế của Mặt Trận Tổ Quốc và của Ủy Ban Tôn Giáo Nhà Nước. Hoà thượng nhắc lại những lời lẽ trong bài diễn văn nhậm chức Tổng thống nhiệm kỳ hai của T.T. Bush : "*Khi quý vị đứng lên tranh đấu cho tự do của quý vị, chúng tôi sẽ đứng vào hàng ngũ quý vị*" và nhận xét : "*Bây giờ ông đến Việt Nam nhưng không đứng chung với chúng tôi mà đứng chung với những người đàn áp chúng tôi*".

Những lời tuyên bố không úp mở nhắc lại trên đây chứng tỏ là quyết định rút tên Việt Nam khỏi danh sách CPC không báo hiệu một kỷ nguyên mới, tôn trọng tự do tôn giáo ở Việt Nam.

Cởi mở kinh tế nhưng vẫn xiết chặt chính trị ?

Quan trọng hơn cả việc ước lượng chính xác tầm mức thực sự của Đại Hội APEC 2006 vừa được tổ chức ở Hà Nội và của các diễn biến song song với đại hội ấy là việc thẩm định xem sự kiện chính quyền cộng sản Hà Nội tổ chức linh đình và quảng cáo sôi nổi cho các diễn biến ấy có ý nghĩa sâu xa gì không, có đem lại dấu hiệu rõ rệt nào không về đường lối chính sách trong tương lai của chính quyền ấy hay không.

Về điểm này, tưởng nên nhắc lại là trước khi Đại Hội X của Đảng Cộng Sản Việt Nam nhóm họp, có những cuộc tranh luận gay gắt, trong nội bộ đảng CS cũng như ở ngoài xã hội, về những cuộc cải cách chính trị sâu rộng cần được thực hiện, như hủy bỏ điều 4 Hiến Pháp dành độc quyền lãnh đạo cho đảng CS, thiết lập tới một mức độ nào đó chế độ dân chủ đa nguyên, dân chủ hóa cơ cấu nội bộ của đảng CSVN... Nhưng sau khi đại hội X của đảng CS đã chấm dứt, tập đoàn lãnh tụ mới đã được chỉ định, với Nguyễn Minh Triết ở chức Chủ tịch nước, Nguyễn Tấn Dũng ở chức Thủ tướng, còn Nông Đức Mạnh ở lại chức Tổng bí thư Đảng, các cuộc tranh luận ấy bỗng tắt ngấm, chẳng còn thấy một cử chỉ nào từ phía chính quyền cộng sản Hà Nội nhằm dân chủ hóa và đa nguyên hóa chế độ. Trong khi đó, các hành

động chà đạp nhân quyền và bóp nghẹt tự do vẫn được tiến hành, như ngăn cấm lập hội, ngăn cấm ra báo, quản chế một số lãnh đạo tôn giáo, ngăn ngừa việc thành lập công đoàn độc lập, ngăn ngừa phát hành báo tư nhân, kiểm cách kiểm soát tin tức bài vở phổ biến trên mạng lưới Internet... Ngay trong thời kỳ Đại Hội APEC 2006 nhóm họp, Hà Nội đã phơi bày hai quang cảnh trái ngược : một bên là các nhân viên phái đoàn và doanh nghiệp ngoại quốc tươi tỉnh thoải mái đi dự các buổi hội thảo, nâng cốc rượu tiếp tân hay ngồi trong rạp hát xem trò múa rối (marionnettes); một bên là các người đối lập Việt Nam tranh đấu cho nhân quyền, bị cô lập hoá trong chúng cư hay trong văn phòng, điện thoại bị cắt dây hay bị tịch thu, quanh nhà có cắm mấy tấm biển ghi bằng Anh ngữ : "*Không được vào !*", "*cấm người ngoại quốc*", "*cấm chụp hình*"... Khoảng 15.000 nhân viên công an canh gác cẩn mật để ngăn cản mọi cuộc tiếp xúc giữa những nhân vật đối lập và những ký giả hoặc nhân viên ngoại quốc. Trong khi ấy, cơ quan truyền tin và báo chí nhà nước không đả động đến những dự tính cải tổ cơ chế chính trị nữa mà chỉ còn ca ngợi những thắng lợi ngoại giao và thành quả kinh tế.

Trước những dấu hiệu ấy, người ta không thể không tự hỏi : phải chăng đường lối chính sách cơ bản đã được quyết định ở Đại Hội X của đảng CSVN là : Một mặt vẫn giữ nguyên chế độ độc tài độc đảng và đàn áp những cuộc vận động đòi hỏi đa nguyên, tôn trọng dân chủ nhân quyền; một mặt khác, ra sức đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và phô trương thành quả ngoại giao, y tế, khoa học, văn hoá v.v... với sự chờ đợi là nhờ đó dân chúng sẽ thấy đời sống vật chất dễ chịu hơn, hoan lạc hơn, vì thế sẽ nguội lạnh tinh thần chống đối độc tài toàn trị. Sự lựa chọn đường lối này càng ngày càng rõ nét hơn. Chẳng hạn, Thủ tướng cộng sản Nguyễn Tấn Dũng vừa tuyên bố là chính quyền Hà Nội sẽ kiểm soát báo chí chặt chẽ hơn và sẽ không cho phép bất cứ một hình thức tư-nhân-hóa báo chí nào, theo tin đài RFI ngày 1-12-06.

Chưa cần phê phán sự lựa chọn chính sách này về mặt đạo đức chính trị và đạo đức đơn thuần, ta có thể đưa ra ngay hai nhận xét sơ khởi sau đây :

* Một lựa chọn như vậy không phải là một sáng kiến độc đáo mà chỉ là sự mô phỏng, bắt chước đường lối hiện thời của đảng cộng sản Trung Quốc. Và cả CSVN lẫn CSTQ cũng không phát minh ra điều gì mới mẻ cả mà chỉ học thối những người cầm quyền chuyên chế trong Đế Quốc La Mã thời xưa, ban phát bánh mì và trò xiếc (panem et circenses) cho dân để ru ngủ họ và khiến cho họ nhẫn nhục chịu ách chuyên quyền.

* Một chính sách xây dựng trên lòng khinh miệt nhân dân như vậy chưa bao giờ thành công lâu dài cả. Đế Quốc La Mã đã sụp đổ, bức tường Bá Linh đã sụp đổ và biết bao nhiêu chế độ độc tài khác đã sụp đổ trước sự phản nộ bùng nổ của dân chúng bị đàn áp.

Riêng về trường hợp Việt Nam hiện nay, người ta không nên quên là một chính sách nhằm đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá chứa đựng nhiều mặt tiêu cực có thể đe dọa sự tồn tại của đất nước. Quả vậy, tăng trưởng kinh tế vô độ sẽ đào sâu thêm hố ngăn cách giàu nghèo, tăng thêm đe dọa tàn phá môi sinh, chóng làm khô cạn tài nguyên thiên nhiên của quốc gia, nảy sinh thêm cơ hội tham nhũng, đẩy mạnh thêm sự suy đồi của đạo đức cổ truyền. Một chính sách như vậy không giúp giải quyết mà còn làm nặng nề thêm những vấn đề cơ bản của dân tộc là giảm thiểu chia rẽ, diệt trừ tham nhũng, xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc để có đủ khả năng bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ trước xu thế bành trướng của Bắc phương.

Đại Hội APEC 2006 đã qua và chắc sẽ không để lại một dấu ấn nào đáng kể. Chỉ có một đại hội vẫn còn in rõ trong ký ức dân ta, đó là hội nghị Diên Hồng. Và ngày hội lớn sẽ chỉ đến với Việt Nam khi một chế độ dân chủ đa nguyên, thực sự tôn trọng các quyền tự do cơ bản của người dân, được thiết lập trên đất nước.-

Paris, ngày 2-12-2006

Vương Văn Bắc